

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH
KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 477 /BHXH-QLT

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 6 năm 2017

V/v cấp thẻ BHYT và quyết toán tiền
ngân sách đối với các đối tượng theo
QĐ số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện Luật Bảo hiểm y tế (BHYT) số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014; Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật BHYT; Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện BHYT; Quyết định 50/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 của Thủ tướng chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi giai đoạn 2016-2020; Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/04/2017 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 về việc hỗ trợ mua thẻ BHYT DTTS vùng không khó khăn. Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Khánh Hòa hướng dẫn BHXH các huyện, thị xã, thành phố (BHXH các huyện) thực hiện một số nội dung sau:

1. Về đối tượng

Đồng bào DTTS đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; Người dân đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Đồng bào DTTS có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa thuộc các xã khu vực I không thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ chưa được hưởng chính sách của nhà nước về hỗ trợ mua thẻ BHYT (nhóm ngân sách nhà nước đóng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính).

2. Tổ chức thực hiện

BHXH các huyện căn cứ vào Quyết định 50/QĐ-TTg ngày 03/11/2016; Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017; Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 xác định lại các nhóm đối tượng và quyền lợi hưởng chế độ BHYT để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thu hồi và đổi thẻ theo đúng quy định nhằm đảm bảo quyền lợi cho các đối tượng khi đi khám chữa bệnh.

- Điều chỉnh lại các đối tượng tại phụ lục 02 (theo Thông tư 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014) để ứng và quyết toán tiền BHYT các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng.

BHXH các huyện tổ chức thực hiện tốt các nội dung trên, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ; phối hợp với Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cùng cấp, Phòng Dân tộc cùng cấp và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện kịp thời đúng quy định trên.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn vị liên hệ về cơ quan BHXH tỉnh Khánh Hòa (phòng Quản lý thu) để được hướng dẫn, giải quyết.

(Đính kèm Quyết định 582/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 28/04/2017)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐND tỉnh (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND huyện, thị, TP;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Các PGĐ BHXH tỉnh;
- Phòng: CST, KT&TN, GĐBHYT;
- Đăng web BHXH tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT, QLT (02).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Hùng Chính



1001(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 582/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2017

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: 9
Ngày: 5/5/17

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 20.176 thôn đặc biệt khó khăn, 1.935 xã khu vực III, 2.018 xã khu vực II và 1.313 xã khu vực I của 51 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có thay đổi, hiệu chỉnh tên thôn, tên xã, tên huyện trong danh sách kèm theo Quyết định này, ủy quyền cho Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định điều chỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Bãi bỏ các Quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc: Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2013 về công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, khu vực II, khu vực III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015; Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 về công nhận bổ sung, điều chỉnh thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, khu vực II, khu vực III thuộc vùng dân tộc và miền núi; Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2016 về điều chỉnh xã khu vực I, khu vực II, khu vực III thuộc vùng dân tộc và miền núi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (3). *kh 205*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc
Nguyễn Xuân Phúc



DANH SÁCH XÃ THUỘC BA KHU VỰC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
TỈNH KHÁNH HÒA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Tên xã, phường, thị trấn	Thuộc khu vực	Số thôn ĐBKK
		Xã khu vực I	6	
		Xã khu vực II	29	20
		Xã khu vực III	16	45
		TOÀN TỈNH	51	65
I	HUYỆN KHÁNH SƠN			
1		Xã Thành Sơn	III	4
2		Xã Sơn Lâm	II	2
3		Xã Sơn Bình	III	3
4		Xã Sơn Hiệp	III	3
5		Xã Sơn Trung	II	
6		Xã Ba Cùm Bắc	III	3
7		Xã Ba Cùm Nam	III	3
8		Thị trấn Tô Hạp	II	2
II	HUYỆN KHÁNH VINH			
1		Xã Sơn Thái	III	2
2		Xã Giang Ly	III	2
3		Xã Khánh Thành	III	4
4		Xã Khánh Phú	III	4
5		Xã Khánh Thượng	III	4
6		Xã Liên Sang	III	2
7		Xã Cầu Bà	III	2
8		Xã Khánh Nam	III	2
9		Xã Khánh Trung	III	3
10		Xã Khánh Hiệp	III	2
11		Xã Khánh Bình	II	2
12		Xã Khánh Đông	II	1
13		Xã Sông Cầu	I	
14		Thị trấn Khánh Vĩnh	I	

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Tên xã, phường, thị trấn	Thuộc khu vực	Số thôn ĐBKK
III	HUYỆN DIÊN KHÁNH			
1		Xã Diên Tân	II	
2		Xã Suối Tiên	II	1
IV	HUYỆN CAM LÂM			
1		Xã Sơn Tân	III	2
2		Xã Cam Phước Tây	II	2
3		Xã Suối Cát	II	3
4		Xã Cam Hòa	I	
5		Xã Cam Hiệp Bắc	II	
6		Xã Cam Tân	I	
7		Xã Cam An Bắc	II	
8		Xã Suối Tân	II	
9		Xã Cam An Nam	II	
V	HUYỆN VẠN NINH			
1		Xã Xuân Sơn	II	
2		Xã Vạn Phước	II	
3		Xã Vạn Long	II	
4		Xã Vạn Khánh	II	
5		Xã Vạn Thạnh	II	3
6		Xã Vạn Thọ	II	
7		Xã Vạn Lương	II	
8		Xã Vạn Phú	II	
9		Xã Vạn Bình	II	
VI	THỊ XÃ NINH HÒA			
1		Xã Ninh Tây	II	1
2		Xã Ninh Tân	II	1
3		Xã Ninh Thượng	II	
4		Xã Ninh Sơn	II	
5		Xã Ninh Vân	I	
VII	THÀNH PHỐ CAM RANH			
1		Xã Cam Thành Nam	II	
2		Xã Cam Phước Đông	II	1
3		Xã Cam Thịnh Tây	II	1
4		Xã Cam Bình	I	



DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
TỈNH KHÁNH HÒA

Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên huyện	Tên xã	Khu vực	Tên thôn (thôn/ấp/tổ/khu/xóm/bản/buôn...) đặc biệt khó khăn
I	HUYỆN KHÁNH SƠN			
		Xã Thành Sơn	III	
				1 Thôn Tà Giang I
				2 Thôn Tà Giang II
				3 Thôn A pa I
				4 Thôn A pa II
		Xã Sơn Lâm	II	
				1 Thôn Ha Nit
				2 Thôn Ko Róa
		Xã Sơn Bình	III	
				1 Thôn Xóm Cỏ
				2 Thôn Liên Bình
				3 Thôn Ko Lăk
		Xã Sơn Hiệp	III	
				1 Thôn Xả Bói
				2 Thôn Hòn Dung
				3 Thôn Tà Gụ
		Xã Ba Cùm Bắc	III	
				1 Thôn Tha Màng
				2 Thôn Suối Đá
				3 Thôn Dốc Trầu
		Xã Ba Cùm Nam	III	
				1 Thôn Ka Tơ
				2 Thôn Suối Me
				3 Thôn Hòn Gầm
		Thị trấn Tô Hạp	II	
				1 Thôn Tà Lương
				2 Thôn Dốc Gạo

TT	Tên huyện	Tên xã	Khu vực	Tên thôn (thôn/ấp/tổ/khu/xóm/bản/buôn...) đặc biệt khó khăn
II	HUYỆN KHÁNH VINH			
		Xã Sơn Thái	III	
				1 Thôn Giang Biên
				2 Thôn Bồ Lang
		Xã Giang Ly	III	
				1 Thôn Gia Rích
				2 Thôn Gia Lố
		Xã Khánh Thành	III	
				1 Thôn Gia Răng
				2 Thôn Gia Rú
				3 Thôn Giồng Cao
				4 Thôn Tà Mơ
		Xã Khánh Phú	III	
				1 Thôn Nước Nhĩ
				2 Thôn Giang Mương
				3 Thôn Ngã Hai
				4 Thôn Sơn Thành
		Xã Khánh Thượng	III	
				1 Thôn Trang
				2 Thôn Tà Gộc
				3 Thôn Suối Cát
				4 Thôn Đa Râm
		Xã Liên Sang	III	
				1 Thôn Chá Liên
				2 Thôn Bầu Sang
		Xã Cầu Bà	III	
				1 Thôn Đá Trắng
				2 Thôn Đá Bàn
		Xã Khánh Nam	III	
				1 Thôn Hòn Dù
				2 Thôn A Xay
		Xã Khánh Trung	III	

TT	Tên huyện	Tên xã	Khu vực	Tên thôn (thôn/ấp/tổ/khu/xóm/bản/buôn...) đặc biệt khó khăn	
				1	Thôn Suối Cá
				2	Thôn Suối Lách
				3	Thôn Bắc Sông Giang
		Xã Khánh Hiệp	III		
				1	Thôn Ba Căng
				2	Thôn Cà Thiêu
		Xã Khánh Bình	II		
				1	Thôn Cà Hon
				2	Thôn Ba Dúi
		Xã Khánh Đông	II		
				1	Thôn Suối Thơm
III	HUYỆN DIÊN KHÁNH				
		Xã Suối Tiên	II		
				1	Thôn Lỗ Gia
IV	HUYỆN CAM LÂM				
		Xã Sơn Tân	III		
				1	Thôn Va Ly
				2	Thôn Suối Cốc
		Xã Cam Phước Tây	II		
				1	Thôn Văn Sơn
				2	Thôn Văn Thủy 2
		Xã Suối Cát	II		
				1	Thôn Suối Lau 1
				2	Thôn Suối Lau 2
				3	Thôn Suối Lau 3
V	HUYỆN VẠN NINH				
		Xã Vạn Thạnh	II		
				1	Thôn Điệp Sơn
				2	Thôn Ninh Tân
VI	THỊ XÃ NINH HÒA			3	Thôn Ninh Đào

TT	Tên huyện	Tên xã	Khu vực	Tên thôn (thôn/ấp/tổ/khu/xóm/bản/buôn...) đặc biệt khó khăn
		Xã Ninh Tây	II	
				1 Thôn Sông Bung
		Xã Ninh Tân	II	
				1 Thôn Suối Sâu
VII	THÀNH PHỐ CAM RANH			
		Xã Cam Phước Đông	II	
				1 Thôn Giải Phóng
		Xã Cam Thịnh Tây	II	
				1 Thôn Sông Cạn Trung